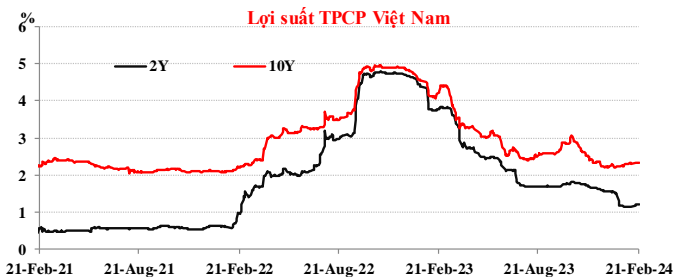

Lãi suất LNH
Trái phiếu

Kỳ hạn	VND		USD		Kỳ hạn	Lợi suất	
	D/D	D/D	D/D	D/D		Lợi suất	D/D
ON	4.14	2.08	5.18	-0.02	3Y	1.23	0.000
1W	4.01	1.87	5.29	0.01	5Y	1.44	0.008
2W	3.34	1.23	5.34	-0.01	7Y	1.83	-0.001
1M	2.76	0.56	5.40	0.00	10Y	2.32	0.005
2M	2.69	0.16	5.48	-0.01	15Y	2.54	0.011
3M	2.81	0.02	5.55	-0.02			
6M	4.26	-0.04	5.61	-0.02			
9M	4.80	-0.03	5.69	0.01			
1Y	5.28	-0.05	5.73	0.01			


Tổng hợp GD cầm cố và mua bán TPNHNN 21/02/2024

Đơn vị: Tỷ đ	Tổng KL chào thầu	Tổng KL trúng thầu	Tổng KL đáo hạn	Ròng	KL lưu hành
Reverse Repo	10,000.00	946.47	-	946.47	6,037.51
Sell Outright	-	-	-	-	0.00
Tổng				946.47	

Thị trường TPCP sơ cấp

đơn vị: tỷ đồng

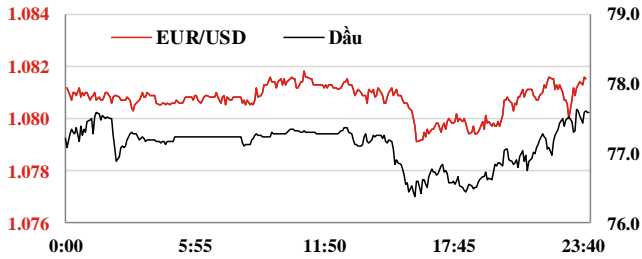
TCPH	Ngày DT	Kỳ hạn	KL gọi thầu	KL trúng thầu	LS trúng thầu	Thay đổi
MOF	21-Feb-24	5	2000	2000	1.41%	0.02%
MOF	21-Feb-24	10	4500	4500	2.30%	0.02%
MOF	21-Feb-24	15	3750	3750	2.50%	0.02%
MOF	21-Feb-24	30	500	0	0.00%	0.00%
Tổng			10750	10250		

Chứng khoán ngày 21/02/2024

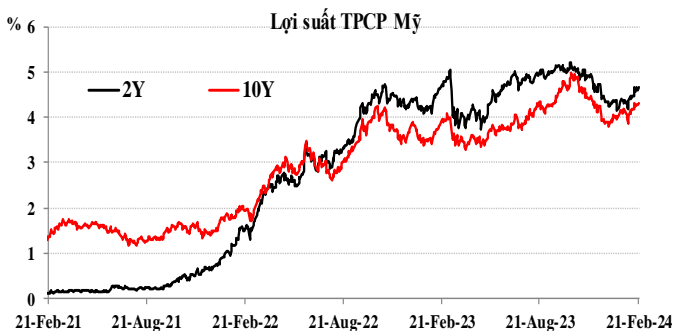
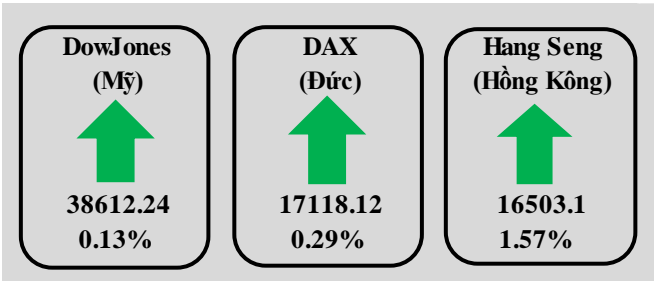
	VN-Index	HNX-Index	Upcom
Điểm	1230.04	233.84	90.61
%/ngày	-0.002%	0.15%	0.09%
%/30/12/2022	22.1%	13.9%	26.5%
KLGD (tr.đ.v)	988.85	63.36	33.6
GTGD (tỷ đ)	22593.30	1201.23	504.59
NĐINN mua (tỷ đ)	1848.00	32.31	82.61
NĐINN bán (tỷ đ)	1790.71	72.67	5.69

Tin trong nước ngày 21/02

- Thị trường ngoại tệ:** Phiên 21/02, NHNN niêm yết tỷ giá trung tâm ở mức 23.993 VND/USD, tiếp tục tăng 05 đồng so với phiên trước đó. Tỷ giá mua giao ngay được giữ nguyên niêm yết ở mức 23.400 VND/USD. Tỷ giá bán giao ngay được niêm yết ở mức 25.142 VND/USD, thấp hơn 50 đồng so với trần tỷ giá. Trên thị trường LNH, tỷ giá chốt phiên với mức 24.534 VND/USD, tăng nhẹ 04 đồng so với phiên 20/02. Tỷ giá trên thị trường tự do tăng 60 đồng ở cả hai chiều mua vào và bán ra, giao dịch tại 25.030 VND/USD và 25.130 VND/USD.
- Thị trường tiền tệ LNH:** Ngày 21/02, lãi suất chào bình quân LNH VND tiếp tục tăng mạnh 0,56 – 2,08 đpt ở tất cả các kỳ hạn từ 1M trở xuống so với phiên trước đó, cụ thể: ON 4,14%; 1W 4,01%; 2W 3,34% và 1M 2,76%. Lãi suất chào bình quân LNH USD giảm 0,01 – 0,02 đpt ở các kỳ hạn ON và 2W trong khi tăng 0,01 đpt ở kỳ hạn 1W và đi ngang ở kỳ hạn 1M; giao dịch tại: ON 5,18%; 1W 5,29%; 2W 5,34%, 1M 5,40%. Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp không thay đổi ở kỳ hạn 3Y trong khi ở giảm ở kỳ hạn 7Y và tăng ở các kỳ hạn còn lại; chốt phiên ở mức: 3Y 1,23%; 5Y 1,44%; 7Y 1,83%; 10Y 2,32%; 15Y 2,54%.
- Nghiệp vụ thị trường mở:** Trên kênh cầm cố, NHNN chào thầu 10.000 tỷ đồng với kỳ hạn 7 ngày, lãi suất vẫn giữ ở mức 4,0%. Có 946,47 tỷ đồng trúng thầu. Như vậy, NHNN bơm ròng 946,47 tỷ đồng ra thị trường, khối lượng lưu hành trên kênh cầm cố ở mức 6.037,51 tỷ đồng. NHNN không chào thầu tín phiếu NHNN, không có tín phiếu lưu hành trên thị trường.
- Thị trường trái phiếu:** Ngày 21/02, KBNN huy động thành công 10.250 tỷ đồng/10.750 tỷ đồng TPCP gọi thầu. Tỷ lệ trúng thầu là 95%. Trong đó, các kỳ hạn 5Y, 10Y và 15Y huy động được toàn bộ lượng TPCP gọi thầu, lần lượt là 2.000 tỷ đồng, 4.500 tỷ đồng và 3.750 tỷ đồng. Kỳ hạn 30Y gọi thầu 500 tỷ đồng, tuy nhiên không có khối lượng trúng thầu. Lãi suất trúng thầu các kỳ hạn 5Y là 1,41% (+0,02 đpt so với phiên đấu thầu trước), 10Y 2,30% (+0,02 đpt), 15Y 2,50% (+0,02 đpt).
- Thị trường chứng khoán:** Trên thị trường chứng khoán, tâm lý thận trọng bao trùm khiến VN-Index cắt chuỗi tăng 7 phiên liên tiếp. Kết thúc phiên giao dịch, VN-Index giảm nhẹ 0,02 điểm (-0,002%) về mức 1.230,04 điểm; HNX-Index thêm 0,35 điểm (+0,15%) đạt 233,84 điểm; UPCoM-Index tăng 0,08 điểm (+0,09%) lên 90,61 điểm. Thanh khoản thị trường tăng nhẹ với giá trị giao dịch đạt gần 24.300 tỷ đồng. Khối ngoại mua ròng gần 94 tỷ đồng trên cả 3 sàn.
- Theo thông tin vừa được Tổng cục Hải quan công bố, cán cân thương mại cả nước thặng dư 3,63 tỷ USD trong tháng 1/2024.** Cụ thể, kim ngạch xuất khẩu tháng 1 đạt 34,53 tỷ USD, tăng 9,7% so với cùng kỳ năm 2023; nhập khẩu đạt 30,9 tỷ, tăng 5,1%. Tổng kim ngạch XNK tháng 1 đạt 65,43 tỷ USD, tăng hơn 40% so với tháng 1/2023. Đây là con số tích cực tuy nhiên vẫn cần tính đến yếu tố mùa vụ khi năm 2023 Tết Nguyên đán rơi vào tháng 1.



	21 Feb 24	Ngày (%)	Tuần (%)	Đầu năm (%)
USD index	104.01	-0.07%	-0.68%	2.64%
USD/CNY	7.19	-0.02%	-0.05%	1.29%
USD/EUR	0.92	-0.13%	-0.85%	2.02%
USD/JPY	150.28	0.19%	-0.18%	6.54%
USD/KRW	1333.04	-0.06%	0.24%	2.99%
USD/SGD	1.34	0.03%	-0.32%	1.89%
USD/TWD	31.49	0.20%	0.31%	2.62%
USD/THB	35.87	-0.42%	-0.64%	4.43%
USD/VND Trung tâm	23993	0.02%	0.15%	0.53%
USD/VND LNH	24534	0.02%	0.55%	1.17%
USD/VND tự do	25081	0.29%	1.26%	1.37%
Vàng	2024.99	0.07%	1.64%	-1.82%
Dầu WTI	77.91	-0.35%	1.66%	8.74%



Lãi suất cơ bản các Ngân hàng Trung Ương

NHTW	Đồng tiền	Kỳ trước	Kỳ này	Ngày thay đổi	Cuộc họp tới
Mỹ	USD	5,25%	5,50%	26/7/2023	20/3/2024
Châu Âu	EUR	4,50%	4,75%	14/9/2023	7/3/2024
Anh	GBP	5,25%	5,25%	3/8/2023	21/3/2024
Nhật	JPY	0,10%	-0,10%	28/1/2016	19/3/2024
Australia	AUD	4,10%	4,35%	8/11/2023	19/3/2024

Nguồn: TCTK, NHNN, Hose, HNX, Thomson-Reuters, MSBResearch

Tin quốc tế

- Cục Dự trữ Liên bang Mỹ Fed công bố biên bản cuộc họp tháng 1.** Trong văn bản này, Fed nhận định lạm phát đang chậm dần khi chỉ số giá tiêu dùng PCE toàn phần và PCE lõi trong tháng 12/2023 lần lượt tăng 2,6% và 2,9% y/y, cùng thấp hơn so với thời gian trước. Kinh tế Mỹ tăng tương đối nhanh trong Q4/2023 song cũng cho thấy các dấu hiệu giảm tốc. Fed dự báo PCE sẽ tiếp tục giảm dần trong năm 2024 do cung cầu có sự điều chỉnh cân bằng hơn. Dự kiến PCE toàn phần và PCE lõi sẽ ở gần mức mục tiêu 2,0% vào năm 2026. Fed nhận định việc duy trì LSCS ở mức 5,25% - 5,0% là cần thiết và sẽ đánh giá cẩn trọng các dữ liệu lạm phát và kinh tế trong tương lai. Fed không kỳ vọng sẽ cắt giảm LSCS cho đến khi tin tưởng rằng lạm phát đã được kiểm soát.
- Tăng trưởng tiền lương tại Úc vẫn tăng đáng kể trong quý cuối năm 2023.** Văn phòng Thống kê Úc ABS công bố chỉ số tiền lương WPI nước này tăng 0,9% q/q trong quý 4/2023, nối tiếp đà tăng 1,3% ở quý trước đó và khớp với dự báo. Đây cũng là mức tăng lớn thứ 2 trong 4 quý. Như vậy, WPI tại Úc tăng khoảng 4,2% trong cả năm vừa qua, cao hơn mức tăng 3,3% của năm 2022. Nguyên nhân chính do các công ty liên tục mở rộng quỹ lương nhằm thu hút nhân lực trong nửa cuối năm 2023. Một số ý kiến cho rằng WPI Úc có thể tăng chậm lại trong năm 2024 do thị trường lao động nước này đang có dấu hiệu nói lỏng dần theo thời gian.
- Niềm tin tiêu dùng tại Eurozone không cải thiện nhiều trong tháng 2.** Văn phòng Thống kê Liên minh Châu Âu Eurostat cho biết chỉ số niềm tin tiêu dùng tại Eurozone ở mức -15,5 điểm trong tháng này, tăng nhẹ so với mức -16,1 của tháng trước, gần khớp với mức -15,6 điểm theo dự báo. Mặc dù vậy, chỉ báo này cho thấy thị trường Eurozone tiếp tục bị quan về điều kiện kinh tế và thu nhập trong tương lai khi rủi ro địa chính trị vẫn thường trực, lãi suất vẫn ở mức cao và lạm phát hạ nhiệt chậm.
- Lịch công bố các chỉ số kinh tế:**

Ngày	Giờ VN	Mức độ ảnh hưởng	Chỉ số kinh tế	Kỳ này	Dự báo	Kỳ trước
21-02	8:30	***	Chỉ số lương Úc qq Q4	0.9	0.9	1.3
21-02	10:00	*	Niềm tin tiêu dùng EZ T2	-15.5	-15.6	-16.1
22-02	2:00	***	Biên bản họp Fed T2			
22-02	16:00	***	PMI sơ bộ lĩnh vực sản xuất Eurozone T2		47.0	46.6
22-02	16:00	***	PMI sơ bộ lĩnh vực dịch vụ Eurozone T2		54.2	54.3
22-02	21:45	***	PMI sơ bộ lĩnh vực sản xuất Mỹ T2		50.5	50.7
22-02	21:45	***	PMI sơ bộ lĩnh vực dịch vụ Mỹ T2		52.4	52.5

Thị trường chứng khoán

VN-INDEX



VN-Index gần như đi ngang, đóng cửa tại 1.230,04 điểm. Thị trường cho thấy đà tăng mạnh trong thời gian vừa qua đã chứng lại khi tiến gần tới vùng đỉnh kháng cự 1240 – 1250 điểm. Sự rung lắc có thể tiếp tục diễn ra trong những phiên sắp tới. VN-Index có thể sẽ điều chỉnh nhẹ và cân bằng trở lại trong ngắn hạn, tích lũy một thời gian trước khi tiếp tục đi lên thử thách lại ngưỡng đỉnh 1250 điểm.

NGÂN HÀNG TMCP HÀNG HẢI VIỆT NAM

TNR Tower, 54A Nguyễn Chí Thanh - Đống Đa - Hà Nội
ĐT: 04.3771 8989 - Ext: 6867

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU KINH TẾ

Những người thực hiện:

Nguyễn Nữ Hoài Ninh - Trưởng nhóm
Email: ninhnh1@msb.com.vn

Nguyễn Trường Giang - CVC Phân tích
Email: giangnt12@msb.com.vn

Những thông tin trên đây được Trung tâm Nghiên cứu kinh tế, MSB thu thập từ những nguồn được coi là đáng tin cậy. Những thông tin này chỉ mang tính tham khảo và Trung tâm Nghiên cứu kinh tế không chịu trách nhiệm về bất cứ tổn thất nào gây ra do việc sử dụng những thông tin trên vào mục đích kinh doanh. Những thông tin trên có thể thay đổi do diễn biến của thị trường và Trung tâm Nghiên cứu kinh tế không có trách nhiệm phải thông báo về những sự thay đổi này.

Mọi ý kiến đóng góp, đăng ký hoặc rút tên khỏi danh sách nhận bản tin, xin Quý khách vui lòng liên hệ qua địa chỉ: Research@msb.com.vn